

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 14-02-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hương Nghĩa

Ông Nguyễn Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đạ Di Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1, Trịnh Văn L, sinh ngày 7 tháng 7 năm 1987 tại xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn Văn Phú, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch : Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn NgHi và bà Nguyễn Thị Hoa; có vợ là Hoàng Thị Chính và có 02 con; tiền án, Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2019 đến nay “Có mặt”

2, Hoàng Hải Hi, sinh ngày 27 tháng 6 năm 1991 tại xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 2, xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Nhân viên công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch : Việt Nam; tôn

giáo: Không; con ông: Hoàng Hải Nam và con bà Đỗ Thị Nghi; có vợ là Lại Thị Hà My và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 được tại ngoại “có mặt”.

3, Nguyễn Duy S, sinh ngày 6 tháng 1 năm 1953 tại phường Đ, Thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ Đồng Quỳ, phường Đ, Thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Bảo Vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Là đảng viên Đảng cộng sản Việt nam; con ông: Nguyễn Văn Cần và con bà Vũ thị Từ; có vợ là Lê Thị Minh Dân và có 03 con tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

4, Dương Đức T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1976 tại xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Chân Sơn, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Bảo Vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Dương Thành Trọng và con bà Nguyễn Thị Chúc; có vợ là Nguyễn Thị Thùy và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Đức T:* Bà Kim Hồng Thanh là trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

- *Bị hại:* Công ty TNHH Planit Vi na.

Địa chỉ: Nhà số 4 Lô 3B, Trung Yên 11, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội .

Đại Di theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân Hư, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Lương Tài, xã V, huyện H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Đội 5 - xã Ph - huyện M - Hà Nội

Nơi ở: A510, HDMONCITY- Nguyễn Cơ Thạch, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (theo giấy ủy quyền ngày 28 tháng 05 năm 2019) “vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Môn Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

2. Chị Trần Thị Việt Du, sinh năm 1989; địa chỉ: Nhân Nghĩa, xã S, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

3. Anh Trần Nho Di, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Tiền Phong, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

4. Anh Bạch Xuân Hồ, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Thiều Khanh, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

5. Anh Nguyễn Văn Nhó, sinh năm 1983; địa chỉ: Bảo Sơn, B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Ngô Quang Đa, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Do Hạ, xã T, huyện M, Hà Nội “vắng mặt”.

2. Anh Nguyễn Văn Li, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 6, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ “vắng mặt”.

NỘI DƯ VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trịnh Văn L là tổ trưởng tổ nhân viên thị trường của công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP ở khu công ngHi Bá Thiện 2 – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc, chuyên đi thu mua phế liệu, rác thải của các công ty trong khu Công ngHi Bình Xuyên. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19 tháng 5 năm 2019, L đến công trường Công ty TNHH ISC Vina ở khu công ngHi Bá Thiện 2 – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc, để gặp anh Ngô Văn Thông là kỹ sư xây dựng và có chức năng Đa Di Công ty TNHH Planit Vina trong việc mua bán rác thải, phế liệu của công ty TNHH Planit Vina tại Công trường Công ty ISC. Tại đây, L đặt vấn đề thu mua sắt phế liệu của công ty TNHH Planit Vina đang để tại Công trường Công ty ISC với anh Thông và được anh Thông hẹn buổi chiều cùng ngày quay lại giao dịch, lúc này L quan sát thấy gần đồng sắt phế liệu của công ty TNHH Planit Vina có một số cuộn dây cáp điện lõi đồng nhiều loại khác nhau nên L hỏi anh Thông để mua phế liệu nhưng anh Thông không đồng ý. Sau đó, L gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T Giám đốc công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP bảo anh T điều cho L 01 xe ô tô cầu 15 tấn để chiều vào khu công ngHi Bá Thiện 2 – Bình Xuyên - Vĩnh Phúc thu mua sắt phế liệu. Anh T đồng ý rồi gọi điện thoại đến công ty TNHH – MTV thương mại dịch vụ vận tải Thanh Ba, địa chỉ ở: Tổ dân phố Thắng Lợi – thị trấn Hương Canh để thuê xe ô tô cần cẩu, sau khi thuê được xe ô tô cần cẩu thì anh T cho L số điện thoại của anh Trần Nho Di là lái xe ô tô cầu của Công ty Thanh Ba để hai người tiện liên lạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L và anh Di liên lạc qua điện thoại với nhau rồi hẹn anh Di điều khiển xe ô tô cầu tải trọng 15 tấn đến cổng khu Công ngHi Bá Thiện 2 chờ L. Anh Di đã cùng phụ xe là anh Bạch Xuân Hồ điều khiển xe ô tô cầu tải trọng 15 tấn biển kiểm soát 88C-101.16 đến cổng khu Công ngHi Bá Thiện 2 chờ ở đó. Sau đó L gặp Hoàng Hải Hi là nhân viên thị trường của công ty TNHH Xây

Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP chuyên đi thu mua phế liệu, rác thải cùng L và bảo Hi chiều tối vào Công ty ISC để cùng L cầu sắt, Hi đồng ý. Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19 tháng 5 năm 2019 L và Hi đi xe mô tô YAMAHA-siurus (không rõ BKS) của anh Nguyễn Văn T Giám đốc công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP đến công trường Công ty ISC quan sát đồng sắt phế liệu tại đó thì L ước lượng mua hết khoảng 50 triệu đồng, nên L gọi điện thoại cho chị Trần Thị Việt Du là nhân viên kế toán của Công ty Duy Khanh VP chi số tiền 50 triệu đồng để L sử dụng mua phế liệu, nhưng Du nói hiện tại công ty chỉ còn 30 triệu đồng nếu thiếu thì L chủ động thu xếp nợ. L đồng ý và bảo chị Du đem tiền đến đưa cho L, chị Du đã mang 30 triệu đồng đến đưa cho L. Sau khi nhận số tiền 30 triệu đồng của chị Du, L đi vào bên trong Công trường Công ty ISC để gặp anh Thông thực hiện giao dịch mua phế liệu nhưng không liên hệ được với anh Thông, lúc này L ở đó đợi và bảo Hi “bây giờ mày quan sát xem lúc nào xe ô tô của Sếp tổng ra khỏi cổng Công ty thì điện báo anh”, Hi đồng ý. Sau đó L đến gặp Dương Đức T là bảo vệ cổng chính ra vào Công ty ISC. Tại đây, L đặt vấn đề với Dương Đức T “tí anh cho xe của em vào chỗ ít sắt, anh bảo anh, em đừng kiểm tra, sau em sẽ gửi anh ít tiền uống nước”, lúc này T tự nhận biết được L nói như vậy là để L chiếm đoạt tài sản trong công trường công ty ISC, nhưng do hám lợi từ việc L hứa cho tiền nên T đồng ý và bảo “anh sắp hết ca trực rồi, anh sẽ bảo anh em trực ca sau” cùng lúc này có Nguyễn Duy S là bảo vệ trực cổng chính đi đến nhận thay ca cho T, khi gặp T và L đang đứng nói chuyện với nhau do chưa biết L nên S hỏi T về L “lính mới đến tăng cường hả”, T nói “đây là L làm ở công ty môi trường, tí nữa chú cho xe của nó vào chỗ ít sắt, chú bảo anh em đừng kiểm tra, sau nó sẽ gửi ít tiền uống nước”, S không nói gì và đi vào trong chốt gác cùng T bàn giao sổ sách, còn L tiếp tục cùng Hi đi loanh quanh trong công ty quan sát. Đến khoảng hơn 19 giờ cùng ngày Hi quan sát thấy xe ô tô chở tổng giám đốc ra khỏi cổng công trường Công ty ISC thì Hi liền gọi điện báo cho L biết, đồng thời L cũng chỉ đạo ngay Hi đi ra cổng đón Di lái xe cầu vào trong công trường công ty ISC, còn L đến gặp S bảo “chú cho xe của cháu vào chỗ ít sắt”. Do T nói với S trước đó thì lúc này S cũng tự nhận biết được L nói như vậy là để L chiếm đoạt tài sản trong công trường công ty ISC, nhưng do hám lợi từ việc L hứa cho tiền nên S đồng ý và khi anh Di lái xe vào cổng công trường công ty ISC thì S mở cổng cho xe vào và không ghi thông tin người và biển số xe vào sổ theo dõi theo quy định tại công trường công ty ISC. Anh Di điều khiển xe ô tô cầu tải trọng 15 tấn, biển kiểm soát 88C-101.16 vào trong công trường ISC thì L bảo Hi chỉ dẫn cho Di lái xe vào vị trí đồng sắt phế liệu để tại sân trước nhà xưởng Công ty, cách vị trí chốt cổng chính khoảng 50m, khi xe đến nơi đưa cần cầu vào đồng sắt phế liệu thì L gọi điện thoại cho

anh Thông tiếp tục hỏi mua sắt phế liệu thì anh Thông trả lời đang bận và hẹn hôm khác, lúc này L bảo Hi “không mua được sắt phế liệu, thì cho xe quay sang cầu cáp điện”. Sau khi nghe L nói như vậy thì Hi là người thường xuyên đi mua phế liệu cùng L biết phải có người của công ty TNHH Planit Vina ở đó giao dịch mua bán và làm thủ tục giấy tờ ra cổng, nhưng hôm nay không có nên Hi nhận biết được việc L nói như vậy là không mua được sắt phế liệu thì quay sang lấy trộm dây cáp điện ở đó và Hi đồng ý thực hiện rồi Hi trực tiếp lần lượt buộc dây cáp cầu vào 03 cuộn dây cáp điện gồm: 01 cuộn loại 4C x 16SQ = 581m; 01 cuộn loại 4C x 25SQ = 42m; 01 cuộn loại 1C x 300SQ = 126m để cho anh Di điều khiển cầu cuộn dây cáp điện lên thùng xe ô tô cầu. Trong khi đang cầu dây cáp điện lên xe ô tô L lại đến gặp S đặt vấn đề cho xe ô tô cầu ra ngoài, thì S nói cứ có giấy tờ xuất hàng thì cho xe ra, thấy vậy L quay vào bảo Hi dừng thôi không cầu nữa và lấy bạt che phủ kín các cuộn dây cáp trên thùng xe ô tô lại rồi L lại tiếp tục quay ra gặp S để xin cho xe ra, lúc này S chưa thấy L cho tiền nên S vẫn nói: “cứ có đủ giấy tờ thì mới cho xe ra, tao có cho mày ra thì bảo vệ ngoài cổng khu công nghiệp Bá Thiện 2 cũng không cho ra”, lúc này L kéo S đến chỗ vắng người tại khu vực để xe trong công trường công ty ISC đưa cho S số tiền 02 triệu đồng và bảo “xe cháu phủ bạt kín rồi, không ai nhìn thấy đâu”, S đã tự nhận biết được L chở hàng chiếm đoạt trong công trường ISC ra, nhưng do hám lời và thấy L nói xe đã phủ bạt kín hàng rồi, S yên tâm không ai phát hiện nên S nhận tiền và mở cổng cho xe ô tô cầu chở 03 cuộn dây cáp điện ra khỏi cổng công ty. Sau đó L và Hi dẫn ô tô cầu do anh Di điều khiển đi về công ty Duy Khanh, về đến công ty Duy Khanh, L gọi điện cho anh T Giám đốc công ty Duy Khanh VP và chị Du kế toán công ty Duy Khanh (có nhiệm vụ đi bán phế liệu công ty mua được) thông báo đã chở phế liệu là dây cáp đồng mua được về công ty, còn L bảo Hi đưa anh Di và anh Hồng phụ xe cầu sang quán bia gần đó để ăn uống, tại đây L đưa cho Hi số tiền 02 triệu đồng nói là “anh cho chú, đây là tiền phần trăm của chú”, Hi biết đây là tiền L chia cho trong việc trộm cắp dây cáp điện bằng đồng nên Hi cầm tiền rồi cùng ăn uống với anh Di và anh Hồng, còn L bỏ trốn về Thái Nguyên. Sau khi nghe L thông báo như vậy, anh T và chị Du không biết là tài sản L trộm cắp nên anh T không trực tiếp xem số dây cáp điện mà gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Nhó là người thường xuyên mua phế liệu, rác thải của công ty Duy Khanh để bán dây cáp điện đồng, còn chị Du cùng Ngô Quang Đạ và Nguyễn Văn Li là nhân viên công ty Duy Khanh dẫn anh Di lái xe cầu chở 03 cuộn dây cáp điện đến trạm cân bê tông tuổi trẻ thuộc khu công nghiệp Bá Thiện 2 để cân 03 cuộn dây cáp và bán cho anh Nhó với giá là 01 cuộn loại dây cáp to giá 135.000đồng/kg, 02 cuộn dây cáp nhỏ giá 128.000đồng/kg, nhưng do dây cáp điện vẫn cuộn tại khung gỗ hai bên chưa xác định được cụ thể số lượng cân của dây cáp nên chị

Du và anh Nhó đã thống nhất chở dây cáp Di về nhà anh Nhó để sáng ngày 20 tháng 5 năm 2019 Du đến nhà anh Nhó gỡ dây cáp điện ra khỏi khung gỗ cân lại. Khoảng 9 giờ ngày 20 tháng 5 năm 2019 chị Du một mình đến nhà anh Nhó cùng tham gia cân bán số dây cáp điện đã gỡ khỏi khung gỗ được tổng số 624,1 kg và thanh toán với nhau với tổng số tiền 82.300.000 đồng, sau đó anh Nhó đã chặt dây cáp điện ra thành từng đoạn ngắn và bán lại cho chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1981 ở thôn Trung Hậu, xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc là người thường xuyên mua phế liệu của anh Nhó, toàn bộ số dây cáp điện mua được của anh Nhó, chị Giang đã bán cho một người thu mua phế liệu tự do, không rõ tên, tuổi địa chỉ, do đó quá trình điều tra không thu hồi được số dây cáp điện trên. Còn L sau khi bỏ trốn đến sáng ngày 23 tháng 5 năm 2019 trở lại Công ty Duy Khanh và biết được số dây cáp điện đã bán được 82.300.000 đồng, nên yêu cầu chị Du chi trả nốt số tiền 20 triệu đồng đã đề xuất chi vào ngày 19 tháng 5 năm 2019, sau khi cầm số tiền 20 triệu đồng L đi đến công Công ty ISC gặp và đưa cho T (bảo vệ) số tiền 2 triệu đồng và nói “em gửi anh mấy đồng uống nước, vì hôm trước anh cho xe của em vào công ty mà không bị kiểm tra”, T cầm tiền và không nói gì, sau đó L đã chi tiêu cá nhân hết toàn bộ số tiền 44.000.000 đồng còn lại, rồi về công ty Duy Khanh thì phát hiện cơ quan Công an đang đến làm việc với công ty Duy Khanh về số dây cáp điện bằng đồng L đã chiếm đoạt, nên L nói lại với anh T giám đốc công ty Duy Khanh về việc mình đã trộm cắp dây cáp điện của công ty TNHH Planit Vina tại Công trường Công ty ISC và nhờ anh T bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH Planit Vina công ty TNHH Planit Vina, lúc này anh T mới biết việc L trộm cắp dây cáp điện và đã bỏ ra số tiền 165.000.000 đồng bồi thường giúp cho L.

Cơ quan Điều tra đã có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá toàn bộ tài sản L cùng đồng bọn trộm cắp ngày 19 tháng 5 năm 2019 của công ty TNHH Planit Vina. Tại Kết luận định giá số 52/KL-ĐG ngày 05 tháng 7 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên, kết luận: Tổng trị giá dây cáp đồng L trộm cắp là: 78.636.600 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các phương tiện, tang tài vật để phục vụ điều tra, gồm: Của Trần Nho Di: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung và 01 chiếc xe ô tô cầu, biển số 88C-101.16. Của Ngô Quang Đạ 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung. Của Nguyễn Xuân Hư 01 chiếc USB (chứa dữ liệu hình ảnh ngày 19 tháng 5 năm 2019 tại công trường công ty ISC). Của Dương Đức T 02 điện thoại di động (gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-X1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi-A6 và số tiền 02 triệu đồng do T tự nộp. Của Nguyễn Văn Nhó 02 điện thoại di động (gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J8 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu

NOKIA). Của Nguyễn Văn Li 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO-F5. Của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA-1280. Của Nguyễn Duy S số tiền 02 triệu đồng do S tự nộp.

Đối với chiếc điện thoại Trịnh Văn L sử dụng liên lạc trong khi phạm tội, sau đó chiếc điện thoại bị hỏng, giá trị nhỏ nên L đã vứt bỏ Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSBX ngày 31 tháng 12 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố Trịnh Văn L, Hoàng Hải Hi, Dương Đức T và Nguyễn Duy S về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại Di Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 07 năm 2019.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Hải Hi từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Đức T từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đồng thời đề nghị về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo T trước khi phạm tội có nhân thân tốt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng: Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày và xác nhận lời khai của các bị cáo là đúng. Nay bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền bồi thường về trị giá tài sản bị mất nên đã có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự; đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Đa Di Công ty Duy Khanh trình bày: L là nhân viên của Công ty, sau khi sự việc xảy ra Công ty đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, số tiền bồi thường là 165.000.000đồng. Việc Công ty đứng ra bồi thường là do L nhờ Công ty Duy Khanh đứng ra bồi thường giúp cho L và giữa hai công ty có ký hợp đồng hợp tác lâu dài với nhau nên không muốn sự việc làm ảnh hưởng tới việc làm ăn của hai Công ty nên đã đồng ý đứng ra bồi thường giúp L. Công ty không yêu cầu gì về số tiền đã bồi thường, sau này Công ty và L sẽ tự giải quyết với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Du vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh Văn L, Hoàng Hải Hi, Dương Đức T và Nguyễn Duy S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội Du Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Các bị cáo khai nhận:

Khoảng hơn 19 giờ ngày 19 tháng 5 năm 2019, Trịnh Văn L cùng Hoàng Hải Hi là nhân viên thị trường của công ty TNHH Xây Dựng và Môi Trường Duy Khanh VP đến công trường công ty ISC thuộc khu công nghiệp Bá Thiện 2 – Bình Xuyên để thu mua sắt phế liệu của công ty TNHH Planit Vina, nhưng khi không mua được sắt phế liệu nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp dây cáp điện nên bảo Hi “không mua được sắt phế liệu, thì cho xe quay sang cầu cáp

điện”. Sau khi nghe L nói như vậy thì Hi là người thường xuyên đi mua phế liệu cùng L biết phải có người của công ty TNHH Planit Vina ở đó giao dịch mua bán và làm thủ tục giấy tờ ra cổng, nhưng hôm nay không có nên Hi nhận biết được việc L nói như vậy là không mua được sắt phế liệu thì quay sang lấy trộm dây cáp điện ở đó và Hi đồng ý. L và Hi đã trộm cắp của công ty TNHH Planit Vina 03 cuộn dây cáp điện, gồm: 01 cuộn loại 4C x 16SQ = 581m; 01 cuộn loại 4C x 25SQ = 42m; 01 cuộn loại 1C x 300SQ = 126m. Dương Đức T và Nguyễn Duy S đều là nhân viên bảo vệ của công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ JEONSA được phân công bảo vệ tại công trường công ty ISC đã cho L lấy 03 cuộn dây cáp điện mang ra ngoài. Tổng trọng lượng lõi đồng của 03 cuộn dây cáp là 624,1kg và có tổng trị giá là 78.636.600đồng. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ...; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự;

Nội Du điều luật quy định:...“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

...c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng...”.

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác đã lén lút trộm cắp tài sản mục đích lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất vai trò cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo L sau khi phạm tội đã tác động với công ty Duy Khánh để nhờ Công ty bồi thường cho bị hại; bị cáo Hi đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đồng nên L và Hi được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo S đã tham gia quân đội và đã xuất ngũ; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hi nên bị cáo

Hi và bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này Trịnh Văn L là người chỉ đạo và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên là người giữ vai trò chính trong vụ án. Sau khi nghe L nói “không mua được sắt phế liệu, thì cho xe quay sang cầu cáp điện” thì Hi biết là L bảo Hi cùng trộm cắp dây cáp điện nhưng do hám lời nên Hi đã cùng L thực hiện hành vi trộm cắp; Dương Đức T và Nguyễn Duy S đều là nhân viên bảo vệ của công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ JEONSA được phân công bảo vệ tại công trường công ty ISC có nhiệm vụ canh gác và kiểm soát hợp lý, tại chốt đã được bố trí...; có quyền giữ lại hàng hóa, khi xuất khỏi khu vực bảo vệ mà không có lệnh hoặc chứng từ được đăng ký... T và S đã cho L lấy 03 cuộn dây cáp điện mang ra ngoài khi không có hóa đơn giấy tờ gì nên Hi, T, S là đồng phạm cùng L thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo L với mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ về hành vi bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt vi Đạ Di Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Bị cáo Hi, bị cáo S, bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nghề nghiệp và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, cần tạo cho các bị cáo một cơ hội, không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam mà cho các bị cáo được hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của Đạ Di Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T giám đốc công ty Duy Khanh đứng ra bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo L nhưng không yêu cầu giải quyết về phần dân sự trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA-X1; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi-A6; 2.000.000 đồng tạm giữ của Dương Văn T và 2.000.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Duy S do T và S tự nộp tại cơ quan điều tra. Quá trình điều tra xác định là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho T nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung và 01 xe ô tô cầu, biển kiểm soát 88C-101.16 tạm giữ của anh Di; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung tạm giữ

của Ngô Quang Đạ; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J8 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA tạm giữ của Nguyễn Văn Nhớ; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO-F5 tạm giữ Nguyễn Văn Li; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA-1280 tạm giữ của Nguyễn Văn T; Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Di, anh T, anh Nhớ, anh Đạ, anhHư, anh Li nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc USB (chứa dữ liệu hình ảnh ngày 19 tháng 5 năm 2019 tại công trường công ty ISC) tạm giữ của Nguyễn Xuân Hư nên trả lại cho anhHư.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Văn L, Hoàng Hải Hi, Dương Đức T và Nguyễn Duy S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn L 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 07 năm 2019.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Hải Hi 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hi cho Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáoS cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Đức T 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đồng thu giữ của Nguyễn Duy S và số tiền 2.000.000đồng thu giữ của Dương Đức T.

Trả lại cho Dương Đức T 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA-X1 và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi-A6 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho anh Nguyễn Xuân Hư 01 USB.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Bình Xuyên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 03 tháng 01 năm 2020).

Về án phí: Buộc các bị cáo Trịnh Văn L, Hoàng Hải Hi, Dương Đức T và Nguyễn Duy S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT - CA huyện Bình Xuyên;
- CQCSTHAHS-CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Tố Uyên

